

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
Bản án số: 54/2021/HS-ST  
Ngày 14 - 4 - 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trịnh Hồng Hải**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Phạm Văn Chính**.

2. Ông **Nguyễn Thanh Nhựt**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Lê Bá Hùng Tâm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà **Lê Thị Mến** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **Đỗ Văn Thanh T**; sinh ngày 21 tháng 11 năm 1976 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 50 Nguyễn Duy, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 125/5 ấp Trung Đông, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn K và bà Trần Thị B; bị cáo có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân” theo Bản án số: 56/HSST ngày 12/3/1996, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Bản án số: 212/STHS ngày 31/8/1999, đã được xóa án tích; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/11/2020 (hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hóc Môn). Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Văn S**; sinh ngày 10 tháng 7 năm 1983 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 50 Nguyễn Duy, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 121/1D ấp Tam Đông, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông

Nguyễn Văn S và bà Trần Thị M; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số: 148/2005/HSST ngày 28/10/2005, bị Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số: 39/2009/HSST ngày 12/3/2009, bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số: 226/2013/HSST ngày 28/8/2013, chưa được xóa án tích; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/11/2020 (hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hóc Môn). Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

### **Những người tham gia tố tụng:**

- *Bị hại:*

1. Bà **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1996. (có đơn xin vắng mặt)

2. Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1999. (có mặt)

Địa chỉ: 41/10A ấp Thới Tứ 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà **Châu Thị M**, sinh năm 1968. (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, Ấp 3, xã Minh Tâm, huyện Hớn Quảng, tỉnh Bình Phước.

4. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Y**, sinh năm 1993. (có mặt)

Địa chỉ: 185/14A Nguyễn Phúc Chu, Phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Văn Thanh T và Nguyễn Văn S có quan hệ họ hàng với nhau và là các đối tượng nghiện ma túy. Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 09/11/2020, S mang đồ ăn đến nhà cho T tại địa chỉ: 125/5 ấp Trung Đông, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn. Lúc này, T nói S ngồi uống nước, T đi ra ngoài một chút nhưng không nói đi đâu. Do T biết rõ nhà đối diện địa chỉ: 25/4 ấp Trung Đông, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn thường xuyên đóng khóa cửa nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản rồi đi bộ ra phía sau nhà rồi leo qua cửa rào, dùng tay kéo mạnh cánh cửa làm bung chốt cửa. Khi mở được cửa, T vào phòng ngủ ở tầng trệt và trên gác lục lọi tủ lấy trộm được số tài sản như sau:

- Số tiền 4.500.000 đồng của bà Nguyễn Minh T để trong tủ bên trái ngăn giữa;

- Hộp đựng nữ trang bằng giấy màu bạc của bà Châu Thị M để trong tủ bên phải ngăn giữa, bên trong có: 01 sợi dây chuyền 3 chỉ vàng 18K kèm mặt cẩm thạch 1 chỉ vàng 18K, 01 sợi dây chuyền có mặt hình bông hoa, 02 chiếc lắc tay, 01 đôi bông tai hình bông hoa (không có hạt);

- Hộp gỗ của bà Nguyễn Thị Ngọc Y trong phòng ngủ trên gác, bên trong có: 01 sợi dây chuyền 3,02 chỉ vàng 24K, 01 mặt dây chuyền hình trái tim 0,5 chỉ vàng 24K, 01 đôi bông tai 1,04 chỉ vàng 24K, 01 nhẫn nam 1,9 chỉ vàng 18K, 01 sợi dây chuyền 1,06 chỉ vàng 18K, 01 mặt dây chuyền hình phật đi lạc 1,8 phân vàng 18K, 01 nhẫn nam 0,44 chỉ vàng 18K, 01 lắc tay 1,12 chỉ vàng 18K và số tiền 500.000 đồng của bà Nguyễn Thị Thanh T.

Sau khi lấy trộm được tài sản, T bỏ vào túi quần rồi nhanh chóng tẩu thoát về nhà. Khi về nhà gặp S, T nói mới trộm được 01 sợi dây chuyền, 01 lắc tay (loại không hột) và 01 lắc tay (loại có hột) nhưng không nói trộm ở đâu và của ai rồi đưa cho S xem. Số tài sản còn lại T bị mất ở đâu, lúc nào không biết. T nói S có biết chỗ nào mua không mang đi bán dùm thì S nói “mang ra tiệm vàng bán” rồi S đồng ý đi bán dùm cho T. S có gặp Giang Phối M là vợ của T và nói M đi công chuyện với S một chút nhưng không nói đi đâu. S chở M đi đến tiệm vàng P, địa chỉ: 4/45 ấp Nam Thới, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn. Khi đến tiệm vàng, S đưa 02 lắc tay cho M vào bán dùm để S đứng ở ngoài trông xe. Việc S rủ M đi bán vàng thì T không biết. M đi vào tiệm vàng bán 02 lắc tay thì chủ tiệm vàng nói là vàng giả nên trả lại. Vị trí S đậu xe cách chỗ bán vàng khoảng 01m, khi nghe được S liền đi vào bán 01 sợi dây chuyền được 10.700.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, S về nhà gặp T, nói bán 01 sợi dây chuyền được 10.700.000 đồng cho Đỗ Trí P là con T 200.000 đồng rồi đưa 02 lắc tay vàng giả trả lại cho T cùng số tiền 10.500.000 đồng. T cho S 4.000.000 đồng và 01 lắc tay (loại có hột). Sau đó, S vứt bỏ lắc tay này và đã tiêu xài hết tiền. Đối với lắc tay vàng giả (loại không hột) T vứt bỏ chỗ nào không nhớ và số tiền 11.500.000 đồng thì T tiêu xài cá nhân, mua ma túy sử dụng và còn lại số tiền 2.000.000 đồng đã bị Công an tạm giữ.

Tại Cơ quan điều tra, Đỗ Văn Thanh T và Nguyễn Văn S đã thừa nhận hành vi phạm tội như trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 203/KL-HĐĐGTS ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hóc Môn kết luận:

- 01 sợi dây chuyền kim loại vàng 18K trọng lượng 3 chỉ trị giá 11.708.700 đồng;
- 01 mặt dây chuyền đính đá cẩm thạch vàng 18K trọng lượng 1 chỉ trị giá 3.902.900 đồng, đá cẩm thạch không đầy đủ thông tin nên không có cơ sở định giá;
- 01 sợi dây chuyền kim loại vàng 24K trọng lượng 3,02 chỉ trị giá 16.217.400 đồng;
- 01 mặt dây chuyền hình trái tim bằng kim loại vàng 24K trọng lượng 0,5 chỉ trị giá 2.685.000 đồng;
- 01 đôi bông tai kim loại vàng 24K trọng lượng 1,04 chỉ trị giá 5.584.800 đồng;

- 01 nhẫn nam vàng 18K trọng lượng 1,9 chỉ trị giá 7.415.510 đồng;
- 01 sợi dây chuyền kim loại vàng 18K trọng lượng 1,06 chỉ trị giá 4.137.074 đồng;
- 01 mặt dây chuyền hình phật di lạc bằng kim loại vàng 18K trọng lượng 1,8 phân trị giá 702.522 đồng;
- 01 nhẫn nam kim loại vàng 18K trọng lượng 0,44 chỉ trị giá 1.717.276 đồng;
- 01 lắc tay kim loại vàng 18K trọng lượng 1,12 chỉ trị giá 4.371.248 đồng.

Tổng cộng là 58.442.430 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 42/CT-VKS-HS ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Đỗ Văn Thanh T ra trước Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Nguyễn Văn S ra trước Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đỗ Văn Thanh T từ 03 năm đến 04 năm tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 03 năm đến 04 năm tù.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy đối với 01 cái quần dài màu đen có chữ HANDSOME LEISURE. Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 4.000.000 đồng là tiền thu lợi bất chính do bị cáo S giao nộp.

- Về phần dân sự: Buộc bị cáo T phải bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Minh T số tiền 4.500.000 đồng, bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 500.000 đồng, bồi thường cho bị hại bà Châu Thị M số tiền 10.000.000 đồng và bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị Ngọc Y số tiền 47.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Văn Thanh T và Nguyễn Văn S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không trình bày bổ sung và không có ý kiến tranh luận với nội dung truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hóc Môn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, qua phần hỏi và tranh tụng công khai, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, những người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ khác đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở chứng minh vào trưa ngày 09/11/2020, bị cáo Đỗ Văn Thanh T đã có hành vi lén lút lấy trộm tài sản là tiền mặt và trang sức của bị hại bà Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Châu Thị M và bà Nguyễn Thị Ngọc Y tại căn nhà địa chỉ: 25/4 ấp Trung Đông, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn. Sau đó, bị cáo Nguyễn Văn S có hành vi tiêu thụ 01 sợi dây chuyền vàng dù biết rõ do bị cáo T phạm tội mà có mang đi bán thu được số tiền 10.700.000 đồng, bị cáo S được bị cáo T chia lại số tiền 4.000.000 đồng.

[3] Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

Tài sản mà bị cáo T đã chiếm đoạt có tổng trị giá 63.442.430 đồng nên thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo S đã bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số: 148/2005/HSST ngày 28/10/2005, đến ngày 01/02/2007 chấp hành xong hình phạt; tại Bản án số: 39/2009/HSST ngày 12/3/2009 của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm”, đến ngày 30/8/2010 được đặc xá; tại Bản án số: 226/2013/HSST ngày 28/8/2013 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung hình phạt là “tái phạm nguy hiểm” và đến thời điểm phạm tội lần này bị cáo chưa được xóa án tích. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” là tình tiết định khung hình phạt được

quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, Bản cáo trạng số: 42/CT-VKS-HS ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Đỗ Văn Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;”

Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

...

đ) Tái phạm nguy hiểm.”

[4] Áp dụng các điều luật được viện dẫn nêu trên cho thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp nghiêm trọng với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo.

Bị cáo Đỗ Văn Thanh T không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân xấu, từng bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân” theo Bản án số: 56/HSST ngày 12/3/1996, đã được xóa án tích, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Bản án số: 212/STHS ngày 31/8/1999, đã được xóa án tích. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Nguyễn Văn S không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân xấu, có 03 tiền án, từng bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số: 148/2005/HSST ngày 28/10/2005, bị Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số: 39/2009/HSST ngày 12/3/2009, bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số: 226/2013/HSST ngày 28/8/2013, chưa được xóa án tích. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện giao nộp lại toàn bộ tiền thu lợi bất chính. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo T số tiền 2.000.000 đồng, bị cáo khai là tiền trộm cắp và bán tài sản còn lại chưa tiêu xài hết. Bị hại bà Nguyễn Minh T có yêu cầu bồi thường số tiền 4.500.000 đồng, bị hại bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu bồi thường số tiền 500.000 đồng, bị hại bà Châu Thị M yêu cầu bồi thường số tiền 10.000.000 đồng và bị hại bà Nguyễn Thị Ngọc Y yêu cầu bồi thường số tiền 47.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo T đã dự nộp tiền bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả 6.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Châu Thị M và bà Nguyễn Thị Ngọc Y vẫn giữ nguyên yêu cầu bồi thường. Bị cáo T đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại. Việc thỏa thuận về mức bồi thường giữa bị cáo với các bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Bị cáo T có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Minh T số tiền 4.500.000 đồng, bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 500.000 đồng, bồi thường cho bà Châu Thị M số tiền 10.000.000 đồng và bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ngọc Y số tiền 47.000.000 đồng, được trừ vào số tiền 2.000.000 bị thu giữ và số tiền 6.000.000 đồng dự nộp để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Như vậy, bị cáo T còn phải bồi thường cho các bị hại tổng số tiền 54.000.000

đồng.

[7] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo S khai nhận thu lợi bất chính được từ việc tiêu thụ tài sản do bị cáo T phạm tội mà có với số tiền 4.000.000 đồng. Do đó, cần tịch thu số tiền 4.000.000 đồng bị cáo S đã giao nộp để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 quần dài thun màu đen có chữ HANDSOME LEISURE, do không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Đối với Giang Phối M là vợ của bị cáo Đỗ Văn Thanh T chưa xác định được đang ở đâu, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ sau là phù hợp.

[10] Về án phí: Các bị cáo Đỗ Văn Thanh T và Nguyễn Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo T phải chịu 2.700.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Đỗ Văn Thanh T;

Tuyên bố bị cáo **Đỗ Văn Thanh T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Thanh T 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 11/11/2020.

[2] Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn S;

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn S** phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 11/11/2020.

[3] Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tạm giam bị cáo Đỗ Văn Thanh T thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tạm giam bị cáo Nguyễn Văn S thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

[4] Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015;



Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) quần dài thun màu đen có chữ HANDSOME LEISURE.

Vật chứng của vụ án hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30 tháng 3 năm 2021.

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: Số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng do bị cáo Nguyễn Văn S đã nộp theo Biên lai thu tiền số: AA/2019/0004378 ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Buộc bị cáo Đỗ Văn Thanh T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Minh T số tiền 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng.

Buộc bị cáo Đỗ Văn Thanh T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.

Buộc bị cáo Đỗ Văn Thanh T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà Châu Thị M số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Buộc bị cáo Đỗ Văn Thanh T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Ngọc Y số tiền 47.000.000 (bốn mươi bảy triệu) đồng.

Ngày 29/01/2021, bị cáo Đỗ Văn Thanh T bị thu giữ số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Giấy nộp tiền vào Tài khoản tạm giữ số tài khoản: 6140401001000001 của Công an huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; ngày 25/3/2021, bị cáo Đỗ Văn Thanh T đã dự nộp tiền bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả 6.000.000 (sáu triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số: AA/2019/0004377 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, được cản trừ.

Bị cáo Đỗ Văn Thanh T còn phải bồi thường cho bà Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Châu Thị M và bà Nguyễn Thị Ngọc Y tổng số tiền 54.000.000 (năm mươi bốn triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí: Buộc các bị cáo Đỗ Văn Thanh T và Nguyễn Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Đỗ Văn Thanh T phải chịu 2.700.000 (hai triệu bảy trăm nghìn) đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[7] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Cơ quan điều tra Công an H. Hóc Môn;
- Chi cục Thi hành án DS H. Hóc Môn;
- Nhà tạm giữ Công an H. Hóc Môn;
- UBND Phường 9, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Hồng Hải**